

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HS-ST

Ngày: 24 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Kim Thor;

Ông Đào Văn Hiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2024/QĐXXST-HS ngày 08/4/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Văn B (Cát B)**, sinh năm 1992, tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp 4, xã T, huyện M, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Phan Hữu L, sinh năm: 1965 và bà Trương Thị Kim H, sinh năm: 1966; Vợ, con: Không có; Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 19/9/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 07 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản và 01 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt của 02 tội là 01 năm 07 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/10/2023; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 21/8/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản. Chấp hành xong ngày 23/6/2010 (đã xóa án tích); ngày 01/02/2013 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục về hành vi Gây rối trật tự công cộng. Chấp hành xong ngày 30/3/2014; Tạm giữ: ngày 23/12/2023; Tạm giam từ ngày 29/12/2023 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** **Nguyễn Thị Tuyết L**, sinh năm: 1983. (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* **Lê Văn D**, sinh năm: 1992. (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 1, xã H, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:* **Trương Thị Kim H**, sinh năm: 1966. (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 4, xã T, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Văn B có 01 tiền án về Tội trộm cắp tài sản và Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười tuyên phạt 01 năm 07 tháng tù. Sau khi chấp hành xong án phạt tù ngày 17/10/2023, bị cáo B về sinh sống cùng với mẹ ruột tên Trương Thị Kim H tại ấp 4, xã T, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 16/12/2023, chị Nguyễn Thị Tuyết L đến nhà bà H chơi. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, trong lúc chị L cùng bà H chế biến thức ăn ở khu vực nhà bếp, B nhìn thấy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04e trị giá 1.100.000 đồng của chị L để trên kệ bếp nên nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lợi dụng lúc chị L và mọi người không chú ý, B lén lút lấy trộm điện thoại để vào túi quần Jean phía trước bên trái, xong đi bộ ra ngoài đường xin quá giang một người đàn ông không rõ lai lịch đến ấp 1, xã Hưng Thạnh, huyện Tháp Mười gặp anh Lê Văn D để cầm điện thoại vừa lấy trộm. Khi gặp anh D, B nói điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A04e của B và kêu anh D cầm với giá 600.000 đồng thì anh D đồng ý. Sau đó, chị L phát hiện bị mất trộm điện thoại nên trình báo sự việc đến công an xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười.

Đến ngày 19/12/2023, biết hành vi phạm tội bị phát hiện, B đến gặp anh D chuộc lại điện thoại đem về đưa cho bà H trả lại chị L. Tại Cơ quan điều tra B thừa nhận hành vi lấy trộm điện thoại của chị L như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá số 56/KLĐG ngày 25/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười giá trị tài sản cái điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04e lấy trộm là 1.100.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho chị Nguyễn Thị Tuyết L một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04e, màn hình bị nứt kính.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Thị Tuyết L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 15/CT-VKSTM ngày 02/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, quyết định truy tố Phan Văn B ra Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp để xét xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng số 15/CT-VKSTM ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố đối với bị cáo Phan Văn B, khẳng định việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, cụ thể: Bị cáo B là người có tiền án, vào khoảng 13 giờ ngày 16/12/2023, bị cáo B lén lút lấy trộm một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A04e của chị L trong lúc chị L đến nhà của bị cáo chơi. Giá trị tài sản mà bị cáo trộm là 1.100.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an ở địa pH.

Trên cơ sở phân tích tính chất nguy hiểm do hành vi của bị cáo gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tội phạm, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Phan Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự;

+ Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn B từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

+ Do bị cáo Phan Văn B không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

+ Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

- Bị cáo Phan Văn B đồng ý xét xử vắng mặt đối với bị hại Nguyễn Thị Tuyết L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Văn D và người làm chứng Trương Thị Kim H đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng, nội dung vụ án như đã nêu ở trên, tại phần tranh luận bị cáo không phát biểu tranh luận với Kiểm sát viên, lời nói sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười và Điều tra viên trong quá trình điều tra; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười và Kiểm sát viên trong quá trình truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại đều không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn B thừa nhận hành vi của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng và nội dung vụ án như đã nêu ở trên, thống nhất các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên phát biểu.

Lời thừa nhận tội của bị cáo Phan Văn B phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, cùng các chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án và tại phần tranh luận bị cáo cũng không phát biểu tranh luận với Kiểm sát viên, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý; đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ thể lực và trí lực nhận biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Phan Văn B đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

...”

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Phan Văn B là ít nghiêm trọng, đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của bị hại một cách trái phép. Quyền sở hữu về tài sản là khách thể được Luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi trái phép xâm phạm đến. Bị cáo B đã có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản, qua quá trình cải tạo, bị cáo không chịu sửa đổi trở thành người tốt, cộng với bản chất tham lam, ý thức xem thường luật pháp, muốn mau chóng có tiền mà không phải bỏ ra công sức lao động hợp pháp, nên bị cáo đã lén lút lấy trộm một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A04e của chị L. Giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 1.100.000 đồng. Do đó việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm mục đích giáo dục phòng ngừa chung.

Bị cáo Phan Văn B có nhân thân không tốt, đã 02 lần bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản nhưng vẫn không từ bỏ hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo B được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự, thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa thể hiện bị cáo Phan Văn B không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[5] Cáo trạng số: 15/CT-VKSTM ngày 02/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Phan Văn B là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Phan Văn B mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm xong, không yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã xử lý xong, phù hợp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Đối với anh Lê Văn D tại thời điểm nhận cầm điện thoại, không biết do B phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo Phan Văn B bị kết tội; Bị cáo Phan Văn B không thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 11 và không thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó bị cáo Phan Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Văn B 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/12/2023.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Toà án không xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Toà án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Phan Văn B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phan Văn B có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CQCSĐT CA huyện Tháp Mười;
- CC THADS huyện Tháp Mười;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: HSVA, VPTA (K.Ngọc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Kiến

